TOÀ ÁN NHÂN DÂN ***HUYỆN C*** ***TỈNH TÂY NINH***	***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1998; Địa chỉ: tổ 7, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Trần Việt H, sinh năm 1993; Địa chỉ: hẻm 3, số 5, ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị N, Anh H vắng mặt tại Tòa. Chị N vắng có đơn xin vắng, Anh H vắng không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và Anh Trần Việt H chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2017 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân: Anh H không đi

làm mà ở nhà ăn chơi, chơi ma túy, đá gà dẫn đến nhiều lần đổ nợ, chị phải trả nợ thay cho Anh H. Không đưa tiền cho Anh H ăn chơi thì Anh H đánh đập, khi chị yêu cầu ly hôn thì Anh H lấy xăng tạt lên người chị đốt nên chị phải báo Công an xã xuống can thiệp để chị dọn đồ về nhà cha mẹ ruột sống.

Từ khi ly thân đến nay chị và Anh H không liên lạc để hòa giải mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 15-3-2017. Chị N đồng ý giao con chung cho Anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình làm việc tại tòa án, bị đơn Anh Trần Việt H không đến Tòa, không có lời khai tại Tòa.

* Tại phiên tòa:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Cẩm N đối với Anh Trần Việt H.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 15-3-2017. Chị N giao con chung cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H, Chị N vắng mặt, Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh H vắng không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh H, Chị N theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và Anh Trần Việt H chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2017 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân: Anh H không đi làm mà ở nhà ăn chơi ma túy, đá gà đổ nợ, Chị N phải trả nợ thay cho Anh H. Anh H nhiều lần đánh đập, khi chị yêu cầu ly hôn thì Anh H lấy xăng tạt lên người chị đốt, Công an xã phải xuống can thiệp để chị dọn đồ về nhà cha mẹ ruột sống. Anh, chị đã ly thân hơn 2 năm nay và tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị N xin ly hôn với Anh H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống chung của chị và Anh H không còn niềm tin, hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được, Chị N vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Hiện anh, chị đã sống ly thân hơn 2 năm nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, Anh H không có trách nhiệm gì với gia đình, không lo làm ăn, không cùng chung quan điểm sống, thời gian ly thân đã lâu không hàn gắng được. Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án mời làm việc nhưng anh không đến, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình chứng tỏ Anh H không quan tâm và không mong muốn đoàn tụ với Chị N nên yêu cầu xin ly hôn của Chị N là có sơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 15-3-2017, hiện cháu K đang sống chung với ba và bà nội. Chị N đồng ý giao con chung cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, Chị N không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện con chung đang sống với Anh H và bà Nội, cháu đã quen với cuộc sống hơn 2 năm nay không có mẹ, để ổn định cho bé cần tiếp tục giao cháu K cho Anh H nuôi dưỡng, Anh H vắng mặt không có ý kiến trong vụ án, Chị N không nuôi con nhỏ và không cấp dưỡng nuôi con là thể hiện chưa tròn trách nhiệm của người mẹ với con, cần buộc Chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Cẩm N đối với anh Trần Việt H. Chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với anh Trần Việt H.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 15-3-2017. Giao con chung Trần Bảo K cho Anh H trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục.

Buộc Chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017184 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, Chị N phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Việt H không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cái Thị Minh Tâm